TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2026
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Lan.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Quốc Thắng;

2. Ông Trương Hoàng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh *tham gia phiên tòa*: Ông Lê Đại Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 714/2026/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2026 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ G, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Minh H, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ G, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 07/5/2026 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Đ trình bày:

Chị và anh Huỳnh Minh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005; có đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh nay là phường N, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm. Vợ chồng không có khoảng thời gian sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 03 con chung tên Huỳnh Minh P, sinh ngày 18/3/2005; Huỳnh Gia T, sinh ngày 11/4/2017; Huỳnh Tấn H1, sinh ngày 08/12/2019. Huỳnh Minh P đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu T và cháu H1, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Huỳnh Minh H trình bày:

Anh và chị Lê Thị Đ chung sống từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị Đ yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý do vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa trầm trọng và anh còn thương vợ, thương con.

Anh chị chung sống có 03 con chung tên Huỳnh Minh P, sinh ngày 18/3/2005; Huỳnh Gia T, sinh ngày 11/4/2017; Huỳnh Tấn H1, sinh ngày 08/12/2019. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh giao con chung cho chị Đ nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Đ với anh Huỳnh Minh H. Chị Đ được ly hôn với anh H.

Về con chung: Cháu Huỳnh Minh P, sinh ngày 18/3/2005 đã trưởng thành không đặt ra giải quyết. Giao cháu Huỳnh Gia T, sinh ngày 11/4/2017; Huỳnh Tấn H1, sinh ngày 08/12/2019 cho chị Đ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận đương sự trình bày tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Các đương sự chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Đ và bị đơn anh Huỳnh Minh H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ và anh H.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị Lê Thị Đ và anh Huỳnh Minh H chung sống với nhau từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh nay là phường N, tỉnh Tây Ninh năm 2005 đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Đ trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm, không hợp tính tình thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Anh H thống nhất với lời trình bày của chị Đ thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nhưng chưa trầm trọng và anh còn thương vợ thương con.

Quá trình làm việc xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng anh chị có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Đ và anh H là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên Huỳnh Minh P, sinh ngày 18/3/2005; Huỳnh Gia T, sinh ngày 11/4/2017; Huỳnh Tấn H1, sinh ngày 08/12/2019. Cháu P đã trưởng thành, Tòa án không đặt ra giải quyết.

Chị Đ yêu cầu được nuôi cháu T và cháu H1, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Cháu T cũng có nguyện vọng ở cùng với chị Đ, anh H trình bày trường hợp ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị Đ nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Do đó, giao cháu T và cháu H1 cho chị Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ và anh H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với những nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Đ đối với anh Huỳnh Minh H. Chị Lê Thị Đ được ly hôn với anh Huỳnh Minh H.

2. Về con chung: Có 03 người con chung tên Huỳnh Minh P, sinh ngày 18/3/2005; Huỳnh Gia T, sinh ngày 11/4/2017; Huỳnh Tấn H1, sinh ngày 08/12/2019. Cháu P đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Giao cháu T và cháu H1 cho chị Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị Đ không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Đ và anh Huỳnh Minh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Đ đã nộp theo biên lai số 00010032 ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị Đ đã nộp xong.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 36 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND p.Ninh Thạnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Ngọc Lan